TÒA ÁN QUÂN SỰ **THỦ ĐÔ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 03/2023/HS-ST
Ngày 01/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ THỦ ĐÔ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Thượng tá Đỗ Ngọc Bình.

Thẩm phán: Trung tá Vũ Đức Việt.

Các Hội thẩm quân nhân:

Trung tá Nguyễn Trọng Thắng;

Trung tá Hà Quốc Huy;

Trung tá Nguyễn Huy Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Trung úy Trần Doãn Hưng, Thư ký Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Thủ đô Hà Nội tham gia phiên tòa:

Đại úy Tạ Thị Thúy Hòa, Kiểm sát viên.

Ngày 01/3/2023, tại Phòng xử án, Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2022/TLST-HS ngày 22/11/2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HS ngày 15/02/2023 đối với bị cáo:

Đặng Minh T; sinh ngày 10 tháng 8 năm 1978 tại Thái Bình; nơi cư trú: Phòng 12B05 – CT1 Khu đô thị VK, phường LK, quận HĐ, Thành phố Hà Nội; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Đặng Văn T6 và bà Đào Thị T7; có vợ là Lại Thúy H1 và 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 12/3/2012 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tuyên phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo về tội: "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong thi hành công vụ", bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại Tạm giam – Trại Tạm giam T771, Cục Điều tra hình sự, Bộ Quốc phòng; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Khắc T8, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư A, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Lại Thúy H1; có mặt.
2. Nguyễn Hồng K; vắng mặt.
3. Dương Ngọc L; vắng mặt.

4. Giang Quốc U; vắng mặt.

5. Nguyễn Văn T1; vắng mặt.

6. Lê Hồng X; có mặt.

7. Nguyễn Văn T2; vắng mặt.

8. Đỗ Anh T3; có mặt.

9. Nguyễn Thị T4; vắng mặt.

10. Vũ Trung K1; có mặt.

11. Bùi Thị Hoài M; vắng mặt.

12. Nguyễn Đình D; vắng mặt.

13. Dư Thị Phương L1; vắng mặt.

14. Đào Thị N; có mặt.

15. Nguyễn Tiến T5; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2021, Đặng Minh T nhặt được một túi clear đựng tiền gồm 93 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100USD, 02 tờ tiền đô la Singapore mệnh giá 1.000 và 10.000; 01 tờ yên Nhật mệnh giá 10.000 và 01 tờ tiền Kuwait mệnh giá 2.000 tại gầm cầu thang của cầu vượt dành cho người đi bộ trên đường Nguyễn Thanh B gần khu đô thị mới VK, LK, HĐ, Hà Nội. Sau khi nhặt được số tiền trên, T nghi ngờ về tính thật giả của số tiền nên mang về nhà cất giấu và không cho ai biết. Khoảng tháng 8 năm 2021, T đưa toàn bộ số tiền trên cho một người tên S (hiện chưa xác định được nhân thân), là bạn bè xã hội của T để nhờ kiểm tra xem tiền thật hay giả, có tiêu thụ được không.

Từ ngày 18/11/2021 đến ngày 20/11/2021 T gặp Trần Đức H2 (là bạn bè xã hội) và Lê Hồng X tại nhà của một người quen của H2 tại khu hồ LĐ, quận HM, Hà Nội. Tại đây T, X, H2 nói chuyện với nhau về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tiền tệ vì trước đây X sinh sống ở nước ngoài nhiều năm. Kết thúc buổi nói chuyện trên đường đi về X đưa T 01 tờ đô la Mỹ mệnh giá 100USD sản xuất năm 2006.

Khoảng 09 giờ ngày 24/11/2021, T và S hẹn gặp nhau tại Ngã tư đường L-LH, ĐĐ, Hà Nội; S trả lại cho T toàn bộ số tiền trước đó T gửi và nói rằng S không kiểm tra được tiền thật hay giả. Sau đó, T hẹn gặp Nguyễn Văn T2 (là bạn bè xã hội) tại quán cà phê "MW" 24T2 đường HĐT, CG, Hà Nội để nhờ T2 kiểm tra tiền thật hay giả, có tiêu thụ được hay không. Do T2 không am hiểu việc này nên đã gọi điện cho H3 (chưa xác định được nhân thân) đến để kiểm tra giúp. T đưa 94 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100USD/01 tờ (bao gồm 01 tờ USD của X đưa cho T) cho H3. Sau khi kiểm tra H3 báo lại cho T số tiền trên không tiêu thụ được, chỗ H3 không mua, vì tiền này là tiền có nguồn gốc từ Campuchia, chỉ đạt 50% so với tiền thật và chưa được kích hoạt.

Khoảng 09 giờ ngày 25/11/2021, T hẹn gặp Dương Ngọc L tại quán cà phê "MW" 24T2 đường HĐT để nhờ L kiểm tra xem số tiền đô la Mỹ nêu trên là tiền thật hay giả, có tiêu thụ được không, L giới thiệu Nguyễn Hồng K, K yêu cầu đưa tiền mẫu để kiểm tra nhưng K không đến nên L để 05 tờ tiền đô la Mỹ vào phong bì gửi nhân viên lễ tân quán cà phê "MW" để nhờ đưa lại cho K. Sau khi L nhờ, K liên lạc với Nguyễn Thị T4 có tên zalo là "TH" và được T4 giới thiệu Vũ Trung K1 là người có thể giúp K quy đổi ngoại tệ tại Ngân hàng M. Khoảng 10 giờ 49 phút cùng ngày, K đến nhận phong bì L gửi. Khoảng 15 giờ 10 phút, theo hướng dẫn của K1, K mang 05 tờ đô la Mỹ trên đến Ngân hàng M chi nhánh HQV. Tại đây K gặp một người đàn ông đeo khẩu trang xưng là người của K1 dẫn K vào Ngân hàng. K đưa 05 tờ cho người đàn ông này để đưa cho nhân viên Ngân hàng là chị Dư Thị Phương L1 để kiểm tra tiền thật hay giả, ngân hàng có thu mua không. Chị L1 ghi lại số seri tiền và yêu cầu giữ lại 05 tờ tiền này để kiểm tra nhưng K không đồng ý mà mang 05 tờ tiền về và đưa lại cho L vào khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày, L nhờ Đỗ Anh T3 trả lại cho T. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, K được K1 thông báo Ngân hàng đã đồng ý thu mua mẫu tiền mà K mang đến kiểm tra, K đã gọi điện báo cho L nội dung này, đồng thời L cũng thông báo cho T. Sau đó, T và K đã trao đổi thống nhất về thời gian, địa điểm giao dịch là khoảng 09 giờ ngày 26/11/2021 tại Ngân hàng M chi nhánh 18 LVL, CG, Hà Nội. K nói với T phía Ngân hàng M chấp nhận giao dịch với giá 75% so với tỷ giá USD hiện tại.

Khoảng 09 giờ ngày 26/11/2021, T mang theo 94 tờ tiền đô la Mỹ giả mệnh giá 100USD gặp L để L dẫn đến quán cà phê H 23 LVL, NC, TX, Hà Nội gặp K. L ra về trước, T và K ngồi nói chuyện. Đến khoảng 10 giờ, K được K1 thông báo có người đón tại sảnh Ngân hàng M 18 LVL, T và K đi bộ đến sảnh Ngân hàng gặp Giang Quốc U. U dẫn K, T vào quầy giao dịch của Ngân hàng, T đưa 94 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100USD cho anh Nguyễn Đình D – nhân viên giao dịch, anh D kiểm đếm thì phát hiện 94 tờ tiền đô la Mỹ đều là tiền giả nên thông báo cho Công an phường TH, CG, Hà Nội. Theo tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 94 tờ tiền đô la Mỹ giả quy đổi có giá trị tương ứng là: 217.563.000 đồng.

Ngoài ra, tối ngày 25/11/2021, T kiểm tra 04 tờ ngoại tệ còn lại gồm: 02 tờ đô la Singapore mệnh giá 10.000 và 1.000, 01 tờ Yên Nhật mệnh giá 10.000, 01 tờ tiền Kuwait mệnh giá 2.000, thì phát hiện tờ đô la Singapore mệnh giá 10.000 có logo bị phồng rộp, sờ thấy gợn và có dấu hiệu bong tróc, biết tiền này là giả không tiêu thụ được nên T cất vào túi quần để ở nhà. 03 tờ còn lại T đưa cho anh Nguyễn Tiến T5 – hàng xóm của T nhờ kiểm tra xem có tiêu thụ được không. Sau khi bị phát hiện tiêu thụ 94 tờ tiền đô la Mỹ giả, T tự nguyện giao nộp 01 tờ tiền đô la Singapore giả mệnh giá 10.000 và anh Nguyễn Tiến T5 nộp 01 tờ đô la Singapore mệnh giá 1.000, 01 tờ Yên Nhật mệnh giá 10.000 và 01 tờ tiền Kuwait mệnh giá 2.000 cho Công an quận CG theo yêu cầu. Theo tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quy đổi 02 tờ tiền đô la Singapore giả có giá trị tương ứng là: 186.484.210 đồng.

Tại phiên toà, bị cáo Đặng Minh T khai nhận hành vi phạm tội như trên,

những người làm chứng có mặt tại phiên tòa cũng như người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa có lời khai trong giai đoạn điều tra khai phù hợp như lời khai nhận tội của bị cáo.

Đơn trình báo của Nguyễn Đình D xác định: Khoảng 10 giờ 45 ngày 26/11/2021 khi tôi đang làm việc tại quầy giao dịch Ngân hàng thì có 03 người nam giới đi đến quầy giao dịch, trong đó có người nam giới đầu hói mặc áo khoác màu ghi, quần dài sáng, đi giầy da màu nâu, tại Cơ quan Công an tôi biết người này là Đặng Minh T, có đưa vào Ngân hàng 94 tờ tiền mệnh giá 100USD, phát hành năm 2006 và có nói với tôi thu đổi hộ anh. Qua quá trình kiểm đếm số tiền mà anh T đưa cho tôi quy đổi, tôi phát hiện là tiền giả. Tôi đã báo cáo sự việc với cấp trên có thẩm quyền của Phòng DVKH toàn bộ sự việc. Sau đó, tôi được Giám đốc DVKH ủy quyền cho tôi báo Công an phường TH để trình báo sự việc trên.

Biên bản sự việc lập ngày 26/11/2021 của Công an phường TH, quận CG, Thành phố Hà Nội xác định: Khoảng 11 giờ 30 ngày 26/11/2021 Công an phường TH nhận được tin báo của Ngân hàng M địa chỉ số 18 LVL, TH, CG, Hà Nội với nội dung tại Ngân hàng có 04 đối tượng mang tiền đô la Mỹ nghi là tiền giả đến để giao dịch với Ngân hàng. Tổ công tác đã có mặt tại Ngân hàng M và phát hiện có 04 người đàn ông lần lượt là Đặng Minh T; Nguyễn Hồng K; Giang Quốc U; Nguyễn Văn T1 cùng đến Ngân hàng để giao dịch đô la Mỹ. Người đang giao dịch với 04 người trên là Nguyễn Đình D, nhân viên Ngân hàng M. Tại chỗ Công an phường TH đã tiến hành lập biên bản tạm giữ, niêm phong 94 tờ tiền mệnh giá 100 dollar Mỹ nghi là tiền giả đối với Đặng Minh T và đưa đối tượng cùng tang vật và người liên quan về trụ sở Công an phường TH để xác minh làm rõ.

Biên bản dẫn giải ngày 26/11/2021 của Công an phường TH xác định: Vị trí Đặng Minh T nhặt được số tiền gồm 93 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100USD, 02 tờ tiền đô la Singapore mệnh giá 1.000 và 10.000; 01 tờ yên Nhật mệnh giá 10.000 và 01 tờ tiền Kuwait mệnh giá 2.000 tại chân cầu thang đi bộ đường NTB trước tòa HPC LandMark 105 LK, HĐ, Hà Nội.

Biên bản dẫn giải ngày 23/02/2022 của Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố Hà Nội xác định: Vị trí cất giữ tiền 10.000 đô la giả, số seri 2AA071053 (loại tiền Singapore) tại tủ gỗ đặt tại sát cửa ra vào phòng ngủ của Đặng Minh T và vợ (Lại Thúy H1).

Biên bản kiểm tra điện thoại ngày 26/11/2021 đối với Đặng Minh T. Kiểm tra 01 điện thoại Vivo 1901 màu xanh lắp sim số 0846862403; 0964198885 của Đặng Minh T. Xác định: 1. Phần ứng dụng Whats App: Phát hiện tin nhắn trao đổi với nick Mua Dchi Y. 2. Phần tin nhắn zalo phát hiện tin nhắn trao đổi với nick T5 CT1 VK.

Kết luận giám định số 8803/KLGĐ-PC09-Đ3 ngày 31/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hà Nội kết luận: 94 tờ tiền Dollars Mỹ, series: 2006, mệnh giá: 100 gửi giám định là 94 tờ tiền Dollars Mỹ giả.

Kết luận giám định số 9381/KLGĐ-PC09-Đ3 ngày 31/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hà Nội kết luận:

Hai (02) tờ tiền gửi giám định (ký hiệu A1 – tờ 1.000 đô la Singapore, A2 – tờ 10.000 đô la Singapore) là 02 tờ tiền giả;

Hai (02) tờ tiền gửi giám định (ký hiệu A3 – tờ 2.000 Kuwait, A4 – tờ 10.000 Yên Nhật) hiện không có mẫu so sánh nên không tiến hành giám định.

Công văn số 1616/NHNN-CSTT ngày 21/3/2022 của Ngân hàng Nhà nước về việc cung cấp tỷ giá Đô la Singapore (25/11/2021 – 01/12/2021) là 16.953,11 VND/SGD và Công văn số 1644/NHNN-CSTT ngày 22/3/2022 của Ngân hàng Nhà nước về việc cung cấp tỷ giá Đô la Mỹ áp dụng cho ngày 26/12/2021 là 23.145 VND/USD.

Tại Cáo trạng số 872/CT-VKSTĐ-B1 ngày 21 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát quân sự Thủ đô Hà Nội đã truy tố Đặng Minh T ra trước Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội để xét xử về tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả" theo quy định tại khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo Đặng Minh T về tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả" theo quy định tại khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" và "Người phạm tội tự thú"; cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do bị cáo được UBND xã HG, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình tặng Giấy khen năm 2020 vì đã có thành tích trong phong trào khuyến học; có ông nội là liệt sĩ hy sinh trong kháng chiến chống Pháp; bố đẻ là thương binh hạng 4/4, được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, Kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị bắt tù, đày; vợ bị cáo có nhiều thành tích trong công tác được Bộ trưởng Bộ Y tế tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ Y tế năm 2014 và nhiều Bằng khen. Ngoài ra, Kiểm sát viên đề nghị xem xét đến việc bị cáo khi phạm tội không có công ăn việc làm ổn định do ảnh hưởng một phần bởi dịch Covid -19; bị cáo T được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng. Do đó đề nghị xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo.

Sau khi phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, tính chất của vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Minh T từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ (ngày 28/11/2021).

Về xử lý vật chứng, đề nghị HĐXX:

Ghi nhận việc xử lý đồ vật, tài liệu của Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu tiêu hủy 94 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100USD, 01 tờ tiền đô la Singapore mệnh giá 10.000, 01 tờ đô la Singapore mệnh giá 1.000.

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106

BLTTHS tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Vivo 1901 số imei: 860062048669112, Imei2: 860062048669104.

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu tiêu hủy các thẻ sim điện thoại số 0846.862.403, 0964.148.885 được lắp trong điện thoại di động Vivo 1901 của bị cáo T.

Áp dụng Điều 136 BLTTHS và Luật phí và lệ phí 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016, tuyên bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Xét tính chất vụ án và điều kiện hoàn cảnh gia đình, đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đặng Minh T.

Tranh luận tại phiên toà, người bào chữa cho bị cáo và bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý vật chứng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo có 02 con nhỏ đang đi học, vợ bị cáo là người làm công ăn lương, bản thân bị cáo không có không công ăn việc làm lại trong thời điểm dịch bệnh Covid -19 kéo dài; quá trình sinh sống và công tác bị cáo được tặng Giấy khen, Bằng khen nên đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt nhẹ nhất đối với bị cáo. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo vì khi thực hiện giao dịch với ngân hàng 94 tờ đô la Mỹ bị cáo tin lời người khác nên cho rằng có thể thực hiện được việc giao dịch.

Đối đáp với ý kiến của bị cáo, Kiểm sát viên khẳng định hồ sơ vụ án đủ cơ sở chứng minh việc bị cáo nhận thức được số tiền là tiền giả, cố tình thực hiện việc giao dịch số tiền nhằm vụ lợi cá nhân. Đối với đề nghị của Luật sư về việc đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có cơ sở chấp nhận vì ngoài lời khai của bị cáo thì không có tài liệu nào chứng minh việc bị cáo có bằng khen. Mức hình phạt theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với tính chất vụ án trên cơ sở đã xem xét toàn diện các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, mức độ hậu quả của hành vi và cũng xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo.

Nói lời sau cùng, bị cáo ân hận về hành vi phạm tội và xin lỗi người thân về những sai lầm của mình. Mong HĐXX xem xét tạo điều kiện được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với cuộc sống xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an phường TH, quận CG, Thành phố Hà Nội, Cơ quan An ninh Điều tra Công an Thành phố Hà Nội, Cơ quan An ninh Điều tra – Cục Bảo vệ an ninh Quân đội, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Thủ đô Hà Nội, Kiểm sát viên: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ

quan, người tiến hành tố tụng. Trên cơ sở đối chiếu toàn bộ hồ sơ vụ án và tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong vụ án là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận cụ thể về hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Nội dung lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với nội dung lời khai của những người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên toà.

Trên cơ sở đánh giá khách quan, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định: Khoảng tháng 6/2021, Đặng Minh T nhặt được một túi clear đựng tiền gồm 93 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100USD, 02 tờ tiền đô la Singapore mệnh giá 1.000 và 10.000; 01 tờ yên Nhật mệnh giá 10.000 và 01 tờ tiền Kuwait mệnh giá 2.000. Sau khi nhặt được tiền T kiểm tra và nghi ngờ về tính thật giả của số tiền nên cất giấu ở nhà. Từ ngày 18/11/2021 đến 20/11/2021 T gặp và nhận từ Lê Hồng X 01 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100USD sản xuất năm 2006. Sau đó, Đặng Minh T đưa 94 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100USD/01 tờ cho Hường để kiểm tra nhưng H3 không mua vì tiền chưa kích hoạt. Mặc dù biết tiền này là tiền chưa được kiểm định, chưa được phép lưu thông, giao dịch nhưng ngày 26/11/2021, T đã mang 94 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100USD đến Sở giao dịch 1 – Ngân hàng Thương mại Cổ phần M, địa chỉ số 18 LVL, TH, CG, Hà Nội để giao dịch đổi sang tiền Việt Nam thì bị Công an phường TH, CG, Hà Nội bắt giữ. Sau khi bị bắt, bị cáo T đã tự nguyện khai nhận, giao nộp 01 tờ tiền đô la Singapore mệnh giá 10.000, 01 tờ tiền đô la Singapore mệnh giá 1.000. Tại kết luận giám định kết luận số tiền trên là tiền giả.

Như vậy, bị cáo Đặng Minh T đã có hành vi tàng trữ, lưu hành 94 tờ tiền đô la Mỹ loại 100USD giả và tàng trữ 02 tờ tiền đô la Singapore loại 1.000 và 10.000 giả. Theo quy đổi tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm phạm tội thì số tiền giả có giá trị tương ứng là 404.047.210 đồng. (Trong đó: 94 tờ tiền đô la Mỹ giả có giá trị tương ứng là: 217.563.000 đồng và 02 tờ tiền đô la Singapore giả có giá trị tương ứng là: 186.484.210 đồng). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả" theo quy định tại khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự. Do đó, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh đối với bị cáo là có cơ sở.

[3] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước, chỉ vì vụ lợi cá nhân, khi nhặt được tiền, đã có sự nghi ngờ và xác định được số tiền là giả nhưng vẫn cố ý tàng trữ và đến Ngân hàng Thương mại cổ phần M giao dịch đổi từ tiền ngoại tệ giả sang tiền Việt Nam để hưởng lợi. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý tiền tệ mà còn gây mất an ninh trật tự công cộng. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử nghiêm theo quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo trung thực, thành khẩn; tỏ ra rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình và tự nguyện khai nhận, giao nộp 01 tờ tiền đô la Singapore mệnh giá 10.000, 01 tờ tiền đô la Singapore mệnh giá 1.000. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" và "Người phạm tội tự thú" theo quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được UBND xã HG, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình tặng Giấy khen năm 2020 vì đã có thành tích trong phong trào khuyến học. Bị cáo có ông nội (Đặng Thanh Đ) là liệt sĩ hy sinh trong kháng chiến chống Pháp; bố đẻ (Đặng Văn T6) là thương binh hạng 4/4, được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, Kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị bắt tù, đày; vợ bị cáo là (Lại Thúy H1) có nhiều thành tích trong công tác được Bộ trưởng Bộ Y tế tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ Y tế năm 2014 và nhiều Bằng khen nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, HĐXX cũng xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo không có công ăn việc làm ổn định do ảnh hưởng một phần bởi dịch bệnh Covid -19 kéo dài khi quyết định hình phạt.

Đối với đề nghị của Luật sư đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự "Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác". HĐXX thấy rằng quá trình điều tra bị cáo không cung cấp được tài liệu chứng minh và tại phiên tòa mặc dù, bị cáo khai là trong quá trình công tác ở Công ty C có được khen thưởng Bằng khen; ngoài lời khai này không có tài liệu chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị của Kiểm sát viên việc không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này là có căn cứ .

Xem xét toàn diện vụ án, HĐXX thấy rằng: Mặc dù bị cáo đã từng bị Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt bằng 01 bản án nhưng bản án này bị cáo đã chấp hành xong và thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích, trong thời gian chấp hành án không có vi phạm gì. Xét thấy cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đồng thời cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục người phạm tội và phòng ngừa chung theo đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ.

Xét điều kiện hoàn cảnh gia đình, nhân thân, tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội; thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Căn cứ lời khai của bị cáo và các tài liệu liên quan có trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy:

Đối với 01 tờ Yên Nhật mệnh giá 10.000 và 01 tờ tiền Kuwait mệnh giá 2.000 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trả lời không có mẫu của 02 loại tiền này nên Cơ quan giám định không tiến hành giám định. Do vậy, Cơ quan An ninh điều tra không xem xét trách nhiệm của T đối với 02 tờ tiền này; tách rút nội dung liên quan đến 02 tờ tiền này để tiếp tục làm rõ trong một vụ việc khác là có cơ sở.

Đối với Lê Hồng X là chủ của tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100USD mà T sử dụng: X khai tờ tiền nguồn gốc từ quá trình mua bán; bản thân không biết tiền đó là giả và không được ai thông tin cũng như cơ quan chức năng thẩm định nên chưa đủ cơ sở kết luận X có hành vi "Tàng trữ tiền giả". Việc T khai X có 10 triệu đô la Mỹ có nhu cầu mua bán, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra xác minh, đồng thời truy tìm Trần Đức H2 là người có mặt khi T và X trao đổi. Tuy nhiên, hiện chưa xác định được H2 đang ở đâu và không có căn cứ để xác định lời khai của T. Do vậy, khi nào tìm được Trần Đức H2, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục làm rõ.

Đối với Nguyễn Hồng K: K là người đi cùng T đến Ngân hàng M 18 LVL và nhận 05 tờ tiền USD mệnh giá 100USD của T để kiểm tra tiền thật giả tại Ngân hàng M chi nhánh HQV. Tuy nhiên K không được T cho biết nguồn gốc của toàn bộ số tiền, không trực tiếp giao dịch với nhân viên ngân hàng và không được xem trước số tiền T mang đến. K không biết số tiền này là giả và chưa nhận được bất kỳ lợi ích gì từ việc trao đổi, giúp T đổi tiền. Ngoài ra, Nguyễn Hồng K không thừa nhận việc nói với T nội dung: Việc kiểm đếm tiền chỉ là hợp thức hóa đưa vào ngân hàng và việc ông Thứ trưởng Bộ Q chỉ đạo về chủ trương cho các ngân hàng M thu gom tiền đô la Mỹ không rõ nguồn gốc xuất xứ trôi nổi trên thị trường nên không xem xét trách nhiệm đối với hành vi của K là có cơ sở.

Đối với Giang Quốc U, Dương Ngọc L, Vũ Trung K1 và Nguyễn Thị T4 (TH): U là người được Vũ Trung K1 nhờ dẫn T đến Ngân hàng M để đổi tiền. L là người giới thiệu Nguyễn Hồng K cho T. K thông qua Nguyễn Thị T4 để nhờ Vũ Trung K1 giúp T đổi tiền. K1 và T4 chưa tiếp xúc trực tiếp với T và số tiền. Những người này không biết nguồn gốc số tiền của T, không biết số tiền này là giả và chưa nhận được lợi ích gì từ việc đổi tiền của T nên không xem xét trách nhiệm đối với những người này là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Tiến T5: T5 được T nhờ kiểm tra 01 tờ tiền đô la Singaore, 01 tờ yên Nhật, 01 tờ tiền Kuwait. T5 chưa thực hiện việc kiểm tra và không biết nguồn gốc số tiền của T, không biết số tiền trên là giả nên không xem xét trách nhiệm là có cơ sở.

Đối với người phụ nữ tên H3: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã áp dụng nhiều biện pháp điều tra nhưng hiện nay chưa xác định được nhân thân đối tượng trên. Ngoài lời khai của T về việc xác định số tiền "chỉ đạt 50% so với tiền thật và chưa được kích hoạt" thì không có căn cứ nào khác chứng minh việc H3 biết số tiền giả này. Do đó, khi nào phát hiện được đối tượng này sẽ tiếp tục làm rõ.

Đối với Nguyễn Văn T2: T2 là người giới thiệu H3 cho T. T2 được T đưa

cho xem 94 tờ đô la Mỹ nhưng T2 không biết số tiền trên này là thật hay giả, T không nói với T2 về nguồn gốc của số tiền. Lời khai của T2 xác định H3 chỉ đem tiền đi và nói số tiền này không đổi được. Không có căn cứ để xác định T2 biết số tiền này là giả. Do vậy, hiện nay Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự của T2 về hành vi không tố giác tội phạm là có căn cứ.

Đối với người tên là "S": Theo lời khai của T, S được T nhờ kiểm tra số tiền trên là thật hay giả và giao dịch đổi số tiền. Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra đã áp dụng nhiều biện pháp điều tra nhưng hiện nay chưa xác định được nhân thân đối tượng trên. Qua xác minh, không có thông tin liên quan đến báo cáo giao dịch đáng ngờ, không có Cơ quan điều tra nào thụ lý điều tra vụ án, vụ việc liên quan đến số tiền đô la Mỹ giả của Đặng Minh T. Do đó, khi nào phát hiện được đối tượng này Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xem xét theo quy định của pháp luật.

Do vậy, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát không xem xét trách nhiệm đồng phạm của các cá nhân trên là có cơ sở.

[6] Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo 94 (chín mươi tư) tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100USD, 01 tờ tiền đô la Singapore mệnh giá 10.000, 01 tờ tiền đô la Singpore mệnh giá 1.000. Những tờ tiền này là giả và đây là vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1901 màu xanh đã qua sử dụng số Imei1: 860062048669112, Imei2: 860062048669104. Đây là phương tiện Đặng Minh T dùng vào việc phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 02 xác sim điện thoại khi thu giữ có số 0846.862.403; 0964.148.885 là phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với các đồ vật tài sản gồm: 01 xe máy Honda Lead 30N1-3754; 01 điện thoại di động Opopo màu trắng lắp sim số 0984071856, 0355607818 cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại Oppo A83 màu hồng lắp sim số 0913322619, 0378137089 cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Iphone 11 màu trắng gắn sim số 0911010666, 01 điện thoại Samsung Galaxy S8 lắp sim số 0961616826 cũ đã qua sử dụng. Cơ quan Điều tra đã trả lại cho các chủ sỡ hữu, người quản lý hợp pháp trong giai đoạn điều tra theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết lại nữa.

[7] Về án phí:

Áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo Đặng Minh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đặng Minh T phạm tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả".

Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Minh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 28/11/2021).

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 94 (chín mươi tư) tờ tiền giả đô la Mỹ mệnh giá 100USD, 01 tờ tiền giả đô la Singapore mệnh giá 10.000, 01 tờ tiền giả đô la Singpore mệnh giá 1.000 và 02 xác sim điện thoại khi thu giữ có số 0846.862.403, 0964.148.885.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1901 màu xanh đã qua sử dụng số Imei1: 860062048669112, Imei2: 860062048669104.

Vật chứng có đặc điểm theo các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Công an phường TH, quận CG, Thành phố Hà Nội lập ngày 26/11/2021 và ngày 27/11/2021.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Đặng Minh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 01/3/2023) bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Trung ương./.

Nơi nhận:
- VKSQS Thủ đô Hà Nội;
- VKSQS Trung ương;
- CQANĐT Cục BVANQĐ;
- CQTHAHS TĐHN;
- Phòng THA BTTM;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Phân trại Trại Tạm giam T771;
- TAQS Trung ương[2];
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thượng tá Đỗ Ngọc Bình